TOÀ ÁN ND TP BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2019/ DS-ST
Ngày: 29/11/2019
Vụ án: "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà **Trần Thị Mai**

Hội thẩm nhân dân : 1/ Bà **Nguyễn Thị Thọ**
2/ Bà **Phạm Thị Phương Tuyền**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Vũ Thị Thảo** - Cán bộ TAND thành phố Bà Rịa

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Anh Dũng** - KSV

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 178/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018, về *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*; Theo Quyết định vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐST-XX ngày 24 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-DS ngày 08/11/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B

Địa chỉ trụ sở chính: 109 đường T, Quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Doãn S**–Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Văn N** – Giám đốc

Ông Hoàng Văn Nghĩa ủy quyền lại cho bà **Nguyễn Bảo N** – Phó Giám đốc Trung tâm giám sát kinh doanh (Bà N có mặt)

Địa chỉ: Số 473 Nguyễn An N, phường 9, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: BàBùi Thị Thanh H, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2397, khu phố 1, phường N, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Phạm Thành N**, sinh năm 1967 - là chồng bà H, cùng địa chỉ với bà H (Ông N vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Như Hồng L**, sinh năm 1967 (Vắng mặt – Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số 17 đường C, khu phố 1, phường N, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- Bà **Nguyễn Thị Thu A**, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 23 đường Đ, khu phố 2, phường N, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa, đại diện Ngân hàng TMCP B(Viết tắt là Ngân hàng B) trình bày:

- Ngân hàng B và bà Bùi Thị Thanh H có ký kết Hợp đồng tín dụng số: HDTD571201801 ngày 08/01/2018 và khế ước nhận nợ số 571201801/01 ngày 09/01/2018 với nội dung như sau: Số tiền cho vay: 1.000.000.000 đồng; Mục đích cho vay: mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn cho vay: 120 tháng;

Sau khi vay, ngay kỳ trả gốc lãi đầu tiên là ngày 15/02/2018, bà H đã không thanh toán gốc lãi đúng hạn (trễ 70 ngày) do đó Ngân hàng chấm dứt khoản vay và thu hồi toàn bộ vốn vay của khách hàng và chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay.

- Tài sản đảm bảo cho khoản vay là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 743263 do UBND thị xã Bà Rịa cấp ngày 09/06/2006 cho ông Phạm Thành N. Ông N ủy quyền cho bà Bùi Thị Thanh H theo Văn bản ủy quyền số Công chứng 26 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 08/01/2018, tại Văn phòng công chứng Phạm Văn H, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC571201801 ngày 08/01/2018.

- Tính đến ngày 29/11/2019, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng B các khoản tiền cụ thể như sau: Trả gốc: 214.944.606 đồng; Trả lãi: 69.990.137 đồng;

Nay, Ngân hàng B yêu cầu:

- Bà Bùi Thị Thanh H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng B, tính đến ngày 29/11/2019, số tiền 800.476.098 đồng (Bằng chữ: Tám trăm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm chín mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc quá hạn: 635.055.394 đồng; Lãi trong hạn: 143.488.408 đồng; Lãi phạt: 21.932.296 đồng

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà Bùi Thị Thanh H phải chịu lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số HDTD571201801 ngày 08/01/2018 cho đến khi tất toán khoản vay.

Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Bùi Thị Thanh H không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì Ngân hàng B được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

[3.1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền thụ lý: Đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 35, 39 BLTTDS năm 2015;

- Về xác định tư cách những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS;

- Về xác minh, thu thập chứng cứ: Tòa đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về tiến hành lấy lời khai của đương sự, tiến hành hòa giải và các thủ tục khác theo đúng quy định BLTTDS;

- Về trình tự thụ lý: Tòa thụ lý đúng theo quy định tại Điều 195,196 BLTTDS;

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án giải quyết đúng theo quy định tại Điều 203 BLTTDS;

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án dân sự;

[3.2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa cho rằng:

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu bà Bùi Thị Thanh H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng B, tính đến ngày 29/11/2019, số tiền 800.476.098 đồng (Bằng chữ: Tám trăm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm chín mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc quá hạn: 635.055.394 đồng; Lãi trong hạn: 143.488.408 đồng; Lãi phạt: 21.932.296 đồng, là hoàn toàn có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu trong trường hợp bà Bùi Thị Thanh H không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì Ngân hàng B được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, thì đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu này vì trước khi thế chấp cho Ngân hàng thì tài sản này đã bị kê biên theo Quyết định số 10/QĐ-CCTHA ngày 04/4/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố bà Rịa. Do đó, đề nghị HĐXX tuyên hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC571201801 ký ngày 08/01/2018 giữa Ngân hàng TMCP B– Chi nhánh V –Phòng giao dịch T và bà Bùi Thị Thanh H, ông Phạm Thành N; Buộc Ngân hàng TMCP B phải hoàn trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 743263 do UBND thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 09/06/2006, cho ông Phạm Thành N

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP B và bà Bùi Thị Thanh H ký Hợp đồng tín dụng HDTD571201801 và Khế ước nhận nợ số 571201801/01 ngày 09/01/2018; mục đích vay là để tiêu dùng, nay có tranh chấp về các hợp đồng trên nên xác định đây là vụ án Dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"; bàBùi Thị Thanh H có nơi cư trú tại số 2397, khu phố 1, phường N, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Như Hồng L có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà L là phù hợp.

Bị đơn, bà Bùi Thị Thanh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Thành N, bà Nguyễn Thị Thu A đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nhưng bà H, ông N, bà Thu A vắng mặt nhiều lần không có lý do nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, HĐXX xét xử vắng mặt ông bà H, ông N, bà Thu A.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng B yêu cầu bà Bùi Thị Thanh H phải trả cho Ngân hàng B, tính đến ngày 29/11/2019, số tiền 800.476.098 đồng (Bằng chữ: Tám trăm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm chín mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc quá hạn: 635.055.394 đồng; Lãi trong hạn: 143.488.408 đồng; Lãi phạt: 21.932.296 đồng và lãi phát sinh, thì thấy:

Ngân hàng B và bà Bùi Thị Thanh H có ký kết Hợp đồng tín dụng số: HDTD571201801 ngày 08/01/2018 và khế ước nhận nợ số 571201801/01 ngày 09/01/2018, theo đó Ngân hàng B cho bà H vay số tiền 1.000.000.000đ; Mục đích cho vay: mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn cho vay: 120 tháng; Lãi suất trong hạn là 11,25%/năm trong 3 tháng đầu; Lãi suất vay được điều chỉnh 3 tháng/lần;Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ngày 15/02/2018, bà H đã không thanh toán gốc lãi đúng hạn, Ngân hàng được quyền chấm dứt khoản vay và thu hồi toàn bộ vốn vay của khách hàng là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 7 của Hợp đồng tín dụng.

Theo thỏa thuận của hai bên tại điểm 2.1 Điều 2 của Hợp đồng thì thời hạn vay là 120 tháng (từ ngày 01/01/2018 đến 01/01/2028), nhưng do bà H vi phạm điều khoản thanh toán nên ngày 15/02/2018, Ngân hàng B đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 26/02/2018, Ngân hàng B đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và bà H phải chịu lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số: HDTD571201801 ngày 08/01/2018.

Từ ngày vay vốn đến ngày 29/11/2019, bà Bùi Thị Thanh H đã trả được cho Ngân hàng B các khoản sau: Trả gốc: 214.944.606 đồng; Trả lãi: 69.990.137 đồng.

Từ những phân tích đã nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B đối với bà Bùi Thị Thanh H; buộc bà Bùi Thị Thanh H phải thanh toán cho Ngân hàng B tổng số tiền 800.476.098 đồng (Bằng chữ: Tám trăm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm chín mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc quá hạn: 635.055.394 đồng; Lãi trong hạn: 143.488.408 đồng; Lãi phạt: 21.932.296 đồng.

Tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 30 tháng 11 năm 2019, theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD571201801 ngày 08/01/2018 ký kết giữa Ngân hàng B – Chi nhánh V – Phòng giao dịch T và bà Bùi Thị Thanh H cho đến khi bà H trả hết nợ.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng B yêu cầu trong trường hợp bà Bùi Thị Thanh H không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì Ngân hàng B được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, thì thấy:

Ngày 08/01/2018, Ngân hàng TMCP B– Chi nhánh V – Phòng giao dịch T và bà Bùi Thị Thanh H, ông Phạm Thành N đã ký Hợp đồng thế chấp số HDTC571201801, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 743263 do UBND thị xã Bà Rịa cấp ngày 09/06/2006 cho ông Phạm Thành N, ông N ủy quyền cho bà H. Sau khi ký Hợp đồng thế chấp, các bên đã làm thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Bà Rịa vào ngày 08/01/2018. Tuy nhiên, trước đó vào ngày 04/4/2016, Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa đã có Quyết định số 10/QĐ-CCTHA, Cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất là nhà ở, tài sản gắn liền quyền sử dụng diện tích 927,8m^2 đất, thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại phường N, thành phố Bà Rịa. Xét thấy, vào thời điểm Ngân hàng B nhận thế chấp tài sản của ông Phạm Thành N thì tài sản này đã bị kê biên để Thi hành Bản án số 15A/2015/DSST ngày 18/8/2015 và Quyết định số 04/QĐST – DS ngày 29/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, nên căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 123 Bộ luật Dân sự, Hợp đồng thế chấp số HDTC571201801 ngày 08/01/2018 bị vô hiệu toàn bộ. Vì Hợp đồng thế chấp bị vô hiệu nên căn cứ theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự, buộc Ngân hàng B phải hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thành N.

[3] Về chí phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng), bà Bùi Thị Thanh H phải nộp. Ngân hàng TMCP B đã nộp khoản tiền này nên bà H có nghĩa vụ phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B

4] Án phí DSST: Căn cứ khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Bùi Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả số tiền 800.476.098 đồng (Bằng chữ: Tám trăm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm chín mươi tám đồng), cụ thể: 36.000.000 đồng + (476.098 đồng x 3%) = 36.014.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228; các Điều 235; 266; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 123; Điều 131 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với bà Bùi Thị Thanh H, về "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*".

[1.1] Buộc bà Bùi Thị Thanh H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền 800.476.098 đồng (Bằng chữ: Tám trăm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm chín mươi tám đồng); Trong đó nợ gốc quá hạn: 635.055.394 đồng; Lãi trong hạn: 143.488.408 đồng; Lãi phạt: 21.932.296 đồng.

[1.2] Tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 30/11/2019, theo Hợp đồng tín dụng số HDTD571201801 ngày 08/01/2018 và Khế ước nhận nợ số 571201801/01 ngày 09/01/2018, giữa Ngân hàng TMCP B và bà Bùi Thị Thanh H, cho đến khi bà H trả hết nợ.

[2] Hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC571201801 ký ngày 08/01/2018 giữa Ngân hàng TMCP B– Chi nhánh V –Phòng giao dịch T và bà Bùi Thị Thanh H, ông Phạm Thành N.

Buộc Ngân hàng TMCP B phải hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 743263 do UBND thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 09/06/2006, cho ông Phạm Thành N

[3] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Bùi Thị Thanh H phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng)

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Bà H phải nộp là 36.014.000 đồng (Ba mươi sáu triệu không trăm mười bốn ngàn đồng)

[4.2] Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.347.000 đồng (Hai mươi mốt triệu, ba trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số TU/2017/ 0004860 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa.

[5] Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

[6] Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR- VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- THA Dân sự TP Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Mai